

Số: 497/2020/QĐST- HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 585/2020/ TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Dương Anh T, sinh năm 1979.

- Bị đơn: Chị Đặng Thị Hương G, sinh năm 1992.

Đều ĐKKHKT: Tổ 06 mới, phường GS, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 54; 55; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/8/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Anh Dương Anh T, sinh năm 1979.

- Bị đơn: Chị Đặng Thị Hương G, sinh năm 1992.

Đều ĐKKHKT: Tổ 06 mới, phường GS, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Anh T và chị Đặng Thị Hương G nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên thống nhất thỏa thuận giao cho chị Đặng Thị Hương G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung Dương Gia B, sinh ngày 21/9/2015 và Dương Gia H, sinh ngày 16/4/2018 cho đến khi hai con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thống nhất thỏa thuận anh Dương Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung là 5.000.000đ/ tháng/ hai con

cho đến khi hai cháu B, H đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.3. Tài sản- công nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

2.4. Án phí: Anh Dương Anh T nhận nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước và 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0003355 ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- **UBND** xã Thượng Đình, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tứ Xuân

